

Bản án số: 75/2022/HS-PT

Ngày: 22 - 9 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Minh Hồng

Các Thẩm phán:

Ông Vũ Hà Nam

Ông Mai Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Phụng – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 60/2022/TLPT-HS ngày 24 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo Trần Văn H và đồng phạm do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh và kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 50/2022/HS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh.

- Bị cáo bị kháng nghị: Trần Văn H, sinh năm 1996; Giới tính: Nam.

Nơi cư trú: Đội 11, xã T, T, N; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông: Trần Văn H; Con bà: Trần Thị T; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Ngày 14/03/2018 bị TAND huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xử phạt 15 tháng tù về tội “Huỷ hoại tài sản” (Chưa thi hành xong phần dân sự); Nhân thân: Ngày 29/11/2012 bị TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định xử phạt 06 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”; Ngày 27/06/2013 bị TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định xử phạt 12 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; Ngày 20/11/2014 bị TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định xử phạt 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 17/12/2021 đến nay. Có mặt.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Quyền A, sinh năm 1995 tại Nam Định; Nơi cư trú: Xóm V, xã V, T, N; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông: Nguyễn Văn C; Con bà: Ninh Thị T; Vợ, con: chưa có; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Bí thư đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh xóm N, xã V, huyện T, tỉnh N, Đảng viên Đảng CSVN đã bị đình chỉ sinh hoạt; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: "Cấm đi khỏi Nơi cư trú" từ ngày 10/12/2021 đến nay. Có mặt.

2. Vũ Đình C, sinh ngày 13/10/2004 tại Nam Định; Nơi cư trú: Xóm 2, xã Trung Đông, Trực Ninh, Nam Định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông: Vũ Đình T; Con bà: Vũ Thị L; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị can bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: "Cấm đi khỏi Nơi cư trú" từ ngày 10/12/2021 đến nay. Có mặt.

Đại diện theo pháp luật của bị cáo Vũ Đình C: Ông Vũ Đình T, sinh năm 1963, Nơi cư trú: Thôn Đ xã T, huyện T, tỉnh N. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Vũ Đình C: Bà Trần Thị B- Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nam Định.

3. Trần Văn T, sinh năm 2001 tại Nam Định; Nơi cư trú: Xóm 13, xã T, huyện T, N; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: Trần Văn T; Con bà: Trần Thị O; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: "Cấm đi khỏi Nơi cư trú" từ ngày 10/12/2021 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Vũ Thị T, sinh năm 1985

Nơi cư trú: Xóm P, xã T, huyện T, tỉnh N. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Bà Vũ Thị H. Vắng mặt.

2. Anh Vũ Đức H. Vắng mặt.

- Ngoài ra còn có 01 bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trần Quang T' là người không có việc làm ổn định. Trong thời gian qua, T' vay mượn tiền của nhiều người với tổng số tiền khoảng 45.000.000 đồng. Đến tháng 9/2021, do không có khả năng trả nợ nên T' nảy sinh ý định nhờ người khác đến nhà T' nói dối là T' nợ họ tiền và yêu cầu mẹ T'

trả nợ thay cho T', khi lấy được tiền sẽ đem về đưa cho T'.

Khoảng 01 giờ 40 phút ngày 08/9/2021, T' sử dụng tài khoản Facebook nhắn tin cho T nội dung: "Có thằng nào cứng cứng ở quê không, bảo báo nhà hộ 50 triệu, choét lắm rồi, không đỡ được nữa". Trước đó qua nói chuyện, T biết T' vay nợ tiền của nhiều người, không có khả năng trả nợ. T hiểu là T' nhờ T tìm người đến nói dối với gia đình T' là đã cho T' vay tiền rồi đến nhà để đòi tiền. T nhắn lại để tìm, nếu có sẽ nhắn lại. Sau đó, T nhắn tin cho Trần Văn H qua tài khoản Facebook hỏi về việc đòi nợ và nhắn nội dung về việc T' đã nhờ T nếu lấy được tiền sẽ trả công cho H. H đồng ý. T nhắn lại tên và địa chỉ của T'. H nhắn nếu T' cần thì nhắn tin cho H. T nhắn tin lại cho T' tên tài khoản Facebook của H. Đến buổi sáng cùng ngày, H đọc tin nhắn của T' biết T' là người mà T nhờ, Hiểu nhắn tin trả lời. T' nhắn lại ở chỗ T đã nói việc với H. H liền nhắn số tài khoản ngân hàng và bảo T' chuyển trước 10 triệu đồng vào tài khoản là tiền công thì H sẽ giúp. Nhưng do T' không có tiền nên không chuyển. Buổi chiều cùng ngày, H nhắn tin hẹn T' ra quán nước T ở xã T, huyện Tgặp nói chuyện. T' nhắn tin nhờ Vũ Đình C đi xe máy đến nhà đón và chở ra quán nước Trà Giang. T' vào trong quán nước gặp H thỏa Tận về giá cả nhưng chưa thống nhất được. H lấy tại quầy lễ tân một tờ giấy kẻ ô ly đưa cho T' rồi H đọc cho T' viết với nội dung vay của H 60 triệu đồng. Sau đó, H điện thoại cho Nguyễn Quyền A thông báo về việc trên và lấy điện thoại chụp lại tờ giấy vay nợ T' vừa viết gửi cho Quyền A thì Quyền A bảo viết giấy vay tiền như vậy không được, phải viết giấy vay nợ khác. H hẹn Quyền A khi nào đi làm về đến quán T nói chuyện. Sau đó, H quay lại nói với T' giấy như vậy chưa được để bạn H về đưa giấy cho.

Khoảng 18 giờ 30 cùng ngày, Quyền A đến quán T gặp H. Quyền A, H, T', C để bàn bạc. T' nói nợ nần nhiều nhờ H, Quyền A báo nợ về nhà 60 triệu, T' sẽ trả công tiền hoa hồng cho H, Quyền A. Quyền A yêu cầu T' trả 10 triệu mới làm. T' đồng ý. Sau đó, Quyền A và H đi về. Khoảng 20 giờ cùng ngày, H đi xe taxi đến đón Quyền A rồi đi đến cửa hàng photocopy in mẫu giấy vay nợ mà Quyền A tìm kiếm trên mạng Internet và quay lại quán T gặp T', C. Quyền A đưa mẫu giấy vay nợ cho T' viết nội dung "Ngày 19/4/2021 vay của H 60.000.000 đồng và hẹn một tháng trả" rồi ký tên đồng thời Quyền A lấy bút bi mực đỏ tô vào ngón tay T' bảo T' điểm chỉ vào giấy vay tiền. Sau khi viết giấy vay nợ, T' nói với C theo xe của H, Quyền A chỉ nhà T'. C đi xe máy của C đi trước dẫn nhóm H đến chỉ nhà T' cho H rồi quay lại đón T' đi chơi. Lúc này, H và Quyền A vào nhà gặp mẹ T' là chị Vũ Thị T. Khi gặp chị T H nói là ở thành phố N có cho T' vay tiền và đưa giấy vay nợ do T' viết cho chị T xem. Do trước đó hai ngày T' có nhắn tin cho chị T về việc vay nợ H nên chị T tin việc T' vay H 60 triệu đồng nên xin khát mấy hôm sau sẽ trả. Sau đó H và Quyền A ra xe đi về.

Sáng ngày 11/9/2021, T' nhắn tin cho H số điện thoại của chị T để H gọi đòi tiền. Đến buổi tối cùng ngày, T' về nhà chị T có hỏi về việc vay nợ. T' nói dối chị T là T' vay của H ở thành phố N 60 triệu đồng không có tiền trả. Sau đó, chị T sang nhà bà Vũ Thị H là mẹ chồng nói chuyện và hỏi bà Huệ vay 60 triệu để trả nợ cho T'. Bà Huệ đồng ý. Khoảng 20 giờ ngày 13/9/2021, bà Huệ đem 60 triệu đồng sang nhà đưa cho chị T. Chị T liền gọi điện cho H nói đã chuẩn bị được tiền, hẹn H đến nhà để trả. Lúc này T' đang ở trên tầng 2, biết gia đình đã chuẩn bị được tiền nên nhắn tin cho H biết. Khoảng 21 giờ cùng ngày, H gọi điện cho Quyền A bảo đi đến nhà T' lấy tiền. Quyền A đồng ý. H đi xe máy đến nhà anh Ninh Ngọc L - SN: 1988 ở xã T, huyện Trù anh L đi cùng. H không nói việc đi đến nhà T' mà nói với anh L đi uống nước. Sau đó, H chở anh L ra cầu Đình xã Trục Tuấn rồi gọi xe taxi cùng anh L đến đón Quyền A. Thấy có anh L đi cùng, Quyền A hỏi thì anh L nói H rủ đi uống nước. Khi đến nhà T', L ngồi trong xe, còn H và Quyền A đi vào trong nhà gặp chị T và ông bà nội T'. T' đang nằm ở trên gác xép nhưng không xuống. H đưa giấy vay nợ cho chị T thì Quyền A bảo chị T xé giấy vay nợ đi nhưng chị T bảo xé phần dưới để lại phần trên để khi về chồng chị còn biết rồi chị T xé phần có chữ kí và điểm chỉ của T'. Sau đó, chị T yêu cầu H viết biên nhận đã nhận đủ tiền bằng bút lông mực màu đỏ vào phía sau tờ giấy vay tiền trên. H viết và chị T đưa số tiền 60 triệu đồng cho H. Sau khi nhận được tiền H cùng Quyền A và L đi lên thành phố Nam Định chơi. Lúc này, do biết H nhận được tiền nên T' nhắn tin cho H để lấy tiền thì H hẹn mai sẽ đưa tiền cho T'.

Khoảng 14 giờ chiều ngày 14/9/2021, T' nhờ C đi xe máy chở ra quán T gặp H để lấy tiền. H yêu cầu T' phải trả thêm 5 triệu tiền công đòi nợ tổng là 15 triệu, 500.000 đồng uống nước và giữ lại 11.000.000 đồng T' nợ T để trả nợ giúp T', T' đồng ý. H giữ lại 26.500.000 đồng còn đưa lại cho T' 33.500.000 đồng. T' cầm số tiền trên và sử dụng hết. H trả cho T 3.000.000 đồng trong số tiền 11.000.000 đồng T' vay nợ T, số tiền còn lại H sử dụng hết.

* Với nội dung vụ án nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 50/2022/HS-ST ngày 21-7-2022 của Tòa án nhân dân huyện Trục Ninh, đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Quang T', Trần Văn H, Nguyễn Quyền A, Vũ Đình C, Trần Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1.1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Các Điều 91; 101 BLHS: Xử phạt Trần Quang T' 15 tháng tù.

Áp dụng điều 55, khoản 1 Điều 56 BLHS tổng hợp hình phạt tại Bản án số 68/2021/HSST ngày 29/11/2021 của TAND huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Buộc bị cáo Trần Quang T' phải chấp hành hình phạt chung của cả hai Bản án là 19 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/12/2021.

1.2. Căn cứ điểm c, d khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS: Xử phạt Trần Văn H 36 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/12/2021.

1.3. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 BLHS: Xử phạt Nguyễn Quyền A 24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

1.4. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 54; 91; 101 BLHS: Xử phạt Vũ Đình C 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

1.5. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 BLHS: Xử phạt Trần Văn T 15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

2. Áp dụng Điều 48 BLHS, Điều 589 BLDS buộc Trần Văn H phải trả cho chị Vũ Thị T 23.500.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với Trần Văn T', tuyên xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

* Ngày 22-7-2022, các bị cáo Nguyễn Quyền A, Vũ Đình C, Trần Văn T có kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

* Ngày 05-8-2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Trục Ninh có kháng nghị đối với bị cáo Trần Văn H. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự để xét xử đối với bị cáo Trần Văn H, buộc bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, trên cơ sở đó quyết định hình phạt theo quy định của Bộ luật hình sự.

* Tại phiên tòa:

- Các bị cáo Nguyễn Quyền A, Vũ Đình C, Trần Văn T đều giữ nguyên nội dung kháng cáo và đều trình bày: Đến nay các bị cáo đã nhận ra lỗi lầm của mình và rất ân hận, mong Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng án treo để các bị cáo được ở nhà lao động cải tạo để trở thành công dân có ích.

- Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Vũ Đình C – ông Vũ Đình T trình bày: Các bị cáo còn trẻ tuổi nên còn bồng bột, đến nay các bị cáo đã rất ân hận, mong Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định kết luận về vụ án: Kháng nghị của VKSND huyện Trục Ninh và kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn theo quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về trình tự thủ tục tố tụng: Không phát hiện vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm.

Bản án số 50/2022/HSST ngày 21/7/2022 của TAND huyện Trục Ninh đã xét xử đối với bị cáo Trần Văn H và đồng phạm về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 174 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Bản án số 28/2012/HSST ngày 29/11/2012 của TAND huyện Trục Ninh xử phạt bị cáo 06 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt. Bản án số 18/2013/HSST ngày 27/6/2013 TAND huyện Trục Ninh xử phạt 12 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tổng hợp hình phạt với bản án số 28 nêu trên buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 18 tháng tù. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù tháng 7/2014. Cả 2 bản án này tội phạm mà bị cáo thực hiện đều là tội ít nghiêm trọng và khi chưa đủ 18 tuổi nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 107 BLHS thì cả 02 bản án này không coi là án tích đối với bị cáo. Bản án số 57/2014/HSST ngày 20/11/2014 TAND huyện Trục Ninh xử phạt 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/10/2017 và xong phần dân sự ngày 12/8/2020. Bản án số 16/2018/HSST ngày 14/3/2018 TAND huyện Nam Trục xử phạt 15 tháng tù về tội “Huỷ hoại tài sản”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/4/2019 nhưng chưa thi hành xong phần dân sự. Từ ngày 02/4/2019 đến ngày 13/9/2021 (ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới) đã quá 02 năm. Vì vậy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 70 và khoản 2 Điều 73 BLHS thì bị cáo đã đủ thời hạn để xoá án tích đối với bản án năm 2017. Khi thực hiện hành vi phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” bị cáo H chỉ còn 01 tiền án năm 2018, do đó hành vi phạm tội mới này của bị cáo chỉ Thuộc trường hợp “Tái phạm” và bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Bản án sơ thẩm xác định bị cáo H Thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” và áp dụng điểm d khoản 2 Điều 74 BLHS đối với bị cáo là không đúng quy định nêu trên. Kháng nghị của VKSND huyện Trục Ninh là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

Bị cáo H được bỏ 01 tình tiết định khung “Tái phạm nguy hiểm” nhưng phải chịu 01 tình tiết tăng nặng “Tái phạm” nên mức hình phạt 36 tháng tù cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp.

Các bị cáo Quyền A, T và C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo thấy: Cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với các bị cáo và quyết định mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và vai trò của các bị cáo trong vụ án. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Quyền A có xuất trình tài liệu về việc đã có thời gian tham gia quân đội - đây là tình tiết giảm nhẹ TNHS mới quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS nên cần áp dụng khi xét xử phúc thẩm để đảm bảo quyền lợi cho bị cáo. Các bị cáo đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại

Nghị quyết số 02/2018 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC, không cần thiết phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho các bị cáo hưởng án treo với thời gian thử thách gấp đôi cũng đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo. Vì vậy kháng cáo của các bị cáo xin hưởng án treo là có căn cứ nên được chấp nhận.

Đề nghị: Áp dụng Điều 355, Điều 357 BLTTHS đề nghị HĐXX chấp nhận kháng nghị của VKSND huyện Trục Ninh, sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

+Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS để xét xử đối với bị cáo Trần Văn H, buộc bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 BLHS và xử phạt bị cáo 36 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

+ Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Quyền A, T và C về xin hưởng án treo, áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Quyền A, Điều 65 BLHS đối với cả 03 bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo với thời gian thử thách gấp đôi.

- Bà Trần Thị B- Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nam Định gửi cho Tòa án bài bào chữa cho bị cáo Vũ Đình C, với nội dung: Về tội danh và điều luật Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là quá nặng so với tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo tham gia với vai trò thứ yếu và hoàn toàn không được hưởng lợi từ hành vi phạm tội. Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình thể hiện thái độ hợp tác, khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải với mong muốn được hưởng sự khoan hồng của pháp luật. Người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường bất kỳ khoản tiền nào và có đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, đây là lần đầu phạm tội. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên trình độ hiểu biết pháp luật và kỹ năng nhận thức về tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội còn hạn chế. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Đình C, sửa bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo được cải tạo, giáo dục tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Căn cứ vào lời khai nhận của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay; Lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ khác đã được T thập trong quá trình điều tra, có đủ căn cứ kết luận: Khoảng tháng 9/2021, do cần tiền tiêu sài cá nhân và trả nợ người khác nên Trần Quang T' đã nhờ Trần Văn T tìm người để bàn bạc chiếm đoạt tiền của mẹ đẻ T' là chị Vũ Thị T. Trần Văn T giới thiệu Trần Văn H cho T'; H rủ thêm Nguyễn Quyền A tham gia cùng. T', H, Quyền A thống nhất: T' viết giấy vay nợ nội dung T' vay của H số tiền 60.000.000 đồng để H và Quyền A đến đòi chị T. Sau khi bàn bạc thống nhất, Vũ Đình C dẫn đường cho H, Quyền A vào nhà gặp chị T đòi nợ. Do tin tưởng là T' đã vay H khoản tiền trên nên khoảng 21 giờ ngày 13-9-2021 chị T gọi Trần Văn H, Nguyễn Quyền A đến nhà mình và giao cho H số tiền 60.000.000 đồng.

Từ những căn cứ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố các bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trục Ninh, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đối với bản án số 28/2012/HS-ST ngày 29/11/2012 và bản án số 18/2013/HS-ST ngày 27/6/2013 của TAND huyện Trục Ninh, khi phạm tội bị cáo Trần Văn H dưới 18 tuổi và phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đến tháng 7/2014 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 107 Bộ luật hình sự, 02 bản án này được coi là không có án tích. Tại bản án số 57/2014/HSST ngày 20/11/2014, TAND huyện Trục Ninh tuyên phạt bị cáo 36 tháng tù, đến ngày 07/10/2017 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù và ngày 12/8/2020 thi hành xong phần dân sự. Ngày 01/01/2018, bị cáo phạm tội mới và bị tuyên phạt 15 tháng tù theo bản án số 16/2018/HSST ngày 14/3/2018 của TAND huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/4/2019 nhưng lại chưa thi hành phần dân sự. Ngày 13/9/2021 bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới. Như vậy, lần phạm tội này của bị cáo chỉ Thuộc trường hợp “Tái phạm” và bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Như vậy, cấp sơ thẩm đã xác định bị cáo Trần Văn H có 02 tiền án, phạm tội lần này Thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” và bản án hình sự sơ thẩm số 50/2022/HS-ST ngày 21/7/2022 của TAND huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định đã tuyên bị cáo Trần Văn H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung “Tái phạm nguy hiểm” là chưa chính xác. Lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo quy định tại

điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự và chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết định khung theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự. Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh là có căn cứ nên được chấp nhận.

Bị cáo Trần Văn H tham gia với vai trò tích cực, khi được T' nhờ đến nhà nói dối với gia đình là đã cho T' vay tiền rồi đến để đòi tiền, nếu lấy được tiền thì được trả công; H là người lấy giấy và đọc cho T' viết nội dung T' vay của H 60.000.000 đồng; là người đến gặp trực tiếp chị T để đòi tiền và cũng là người trực tiếp nhận tiền từ chị T. Trần Văn H có nhân thân xấu, nhiều lần bị đưa ra xét xử nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Cấp sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo Trần Văn H 36 tháng tù là hoàn toàn có căn cứ, cũng là phù hợp. Bị cáo tuy không phải chịu tình tiết định khung theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự nhưng bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Do vậy, cần giữ nguyên mức hình phạt đã tuyên đối với Trần Văn H.

[3] Xét kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Quyền A, Vũ Đình C, Trần Văn T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Các bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm thực hành; bị cáo Vũ Đình C khi phạm tội là người chưa thành niên; sau khi phạm tội, bị cáo Trần Văn T đã nhận ra hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho bị hại; bị hại cũng có quan điểm xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Xét thấy: Các bị cáo Nguyễn Quyền A, Vũ Đình C, Trần Văn T đều có nhân thân tốt, chưa tiền án tiền sự, lần đầu phạm tội, có nơi cư trú rõ ràng. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai báo thành khẩn, tỏ thái độ thật sự ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của bản thân; bị cáo Nguyễn Quyền A đã từng có thời gian tham gia quân đội; bị hại có quan điểm xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đối chiếu với Điều 65 của Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ – HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo thì không nhất thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương, chịu sự giám sát của chính quyền địa phương nơi cư trú và ấn định thời gian thử thách đối với các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Như vậy cũng đủ tác dụng răn đe giáo dục đối với các bị cáo nhưng cũng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật Việt Nam đối với người phạm tội biết ăn năn hối cải đối với hành vi vi phạm của mình. Xét mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã ấn định đối với các bị cáo cũng là phù hợp, tương xứng với tính chất,

mức độ hành vi phạm tội nên không có căn cứ giảm mức hình phạt theo như kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Quyền A, Vũ Đình C, Trần Văn T.

[4] Các bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ: điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trục Ninh; Chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo; sửa bản án sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Quyền A, Vũ Đình C, Trần Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt Trần Văn H 36 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/12/2021.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt Nguyễn Quyền A 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 65; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự;

Xử phạt Vũ Đình C 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt Trần Văn T 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Quyền A cho UBND xã Việt Hùng; giao bị cáo Vũ Đình C cho UBND xã Trung Đông; giao bị cáo Trần Văn T cho UBND xã Trục Tuấn huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

T’ hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. T' hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo không phải nộp.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- VKSND-CA tỉnh Nam Định
- TAND-VKS-CA huyện Trực Ninh;
- Chi cục THA huyện Trực Ninh;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã V, xã Trung Đông, xã Trực Tuấn, huyện Trực Ninh;
- Lưu HS, VP.

Mai Thị Minh Hồng